TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12-01-2018
V/v tranh chấp yêu cầu không công nhận là vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Minh Huế.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Tỵ.

Ông Nguyễn Duy Tuân.

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Liên - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên toà:*** Bà Hoàng Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện A, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 396/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017 về việc: "Tranh chấp yêu cầu không công nhận là vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đinh Thị Khánh L, sinh năm 1998; cư trú tại thôn B, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Bùi Trọng Q, sinh năm 1993; cư trú tại thôn M, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đinh Thị Khánh L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Trọng Q chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở hai bên tự nguyện vào tháng 01 năm 2016 có được hai bên gia đình tổ chức cưới, hỏi theo phong tục truyền thống ở địa phương. Chị và anh Q không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi cưới, chị và anh Q về chung sống cùng với gia đình anh Q tại thôn M, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Quá trình chung sống, thời gian đầu chị và anh Q chung sống rất hạnh phúc đến tháng 01 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh Q mải chơi, không quan tâm trách nhiệm đến gia đình. Vì vậy, hai bên thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Gia đình bố, mẹ hai bên đã khuyên ngăn, hòa giải nhưng không có kết quả. Từ tháng 02 năm 2017 đến nay, chị đã về nhà bố, mẹ đẻ chị ở thôn B, xã Đ cư trú, cũng từ đó đến nay chị và anh Q sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Q là vợ chồng để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh Q có 01 con chung là Bùi Ngọc Bảo L1, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2016. Hiện tại con chung do chị nuôi dưỡng. Chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị và anh Q đều là lao động tự do, chị còn được sự giúp đỡ của bố, mẹ đẻ chị trong việc chăm sóc con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh Q không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình tố tụng, bị đơn là anh Bùi Trọng Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định thời gian chung sống, việc không đăng ký kết hôn của anh và chị L theo như chị L đã trình bày là đúng. Quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn do mâu thuẫn mẹ chồng, con dâu, anh có góp ý nhưng chị L không tiếp thu. Vì vậy, quan hệ giữa anh và chị L ngày càng xa cách. Từ tháng 02 năm 2017 đến nay chị L đã về cư trú tại nhà bố, mẹ đẻ sống ly thân với anh. Nay anh xác định anh vẫn còn tình cảm với chị L, song chị L đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị L và anh là vợ chồng, anh cũng đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của chị L.

Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung theo như chị L đã trình bày là đúng. Anh đề nghị Tòa án giao con chung cho chị L nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị L không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Về nội dung*: Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 9,14, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Khánh L về quan hệ hôn nhân và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về vấn đề con chung. Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về việc xét xử vắng mặt đương sự:* Bị đơn anh Bùi Trọng Q vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ Khoản 1, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các đương sự, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập xác định chị Đinh Thị Khánh L và anh Bùi Trọng Q chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 01 năm 2016. Chị L và anh Q không đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, mặc dù chị L và anh Q đã có thời gian chung sống và đã có 01 con chung nhưng căn cứ Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì về mặt pháp lý không xác định chị Đinh Thị Khánh L và anh Bùi Trọng Q là vợ chồng. Vì vậy, chị Đinh Thị Khánh L và anh Bùi Trọng Q đều có quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị L và anh Q là vợ chồng là có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Đinh Thị Khánh L và anh Bùi Trọng Q có 01 con chung là Bùi Ngọc Bảo L1, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2016. Chị L và anh Q đều có quan điểm đề nghị Tòa án giao con chung cho chị L nuôi dưỡng. Xét thấy, quan điểm của chị L và anh Q là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, quan điểm của chị L là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên chấp nhận và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh Q cho chị L. Khi nào chị L có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con, Toà án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[4]. Về tài sản chung: Chị Đinh Thị Khánh L và anh Bùi Trọng Q không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Đinh Thị Khánh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 8, Điều 28; Điều 147; Điều 206 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 9,14, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Đinh Thị Khánh L và anh Bùi Trọng Q là vợ chồng.

2/ Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao con chung Bùi Ngọc Bảo L1, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2016 cho chị Đinh Thị Khánh L nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi dưỡng con chung tính từ ngày 13 tháng 01 năm 2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh Q cho chị L. Khi nào chị L có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con, Toà án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Chị Đinh Thị Khánh L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Chị L đã nộp số tiền 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo Biên lai thu tiền số 7413 ngày 28 tháng 11 năm 2017 nên chị L không phải nộp nữa.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
-Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trương Minh Huế